

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HUNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày: 12-3-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Phụng

2. Bà Phạm Thị Huệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2026/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức P**, sinh ngày 28/8/1987; nơi đăng ký thường trú: thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên; nơi ở: Thôn Y, xã H, thành phố Hà Nội; Thẻ căn cước công dân số: 034087023146, cấp ngày 27/12/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Trần Đức P1, sinh năm 1956 và bà Trần Thị T, sinh năm 1960; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1987 và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/01/2026; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh H (có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Trần Ích T1, sinh ngày 28/02/1983 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn B, xã L, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 22/8/1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã L, tỉnh Hưng Yên.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

2. Anh Trần Văn B, sinh năm 1976 (vắng mặt).
 3. Anh Trần Nam T3, sinh năm 1981 (vắng mặt).
 4. Ông Trần Đức P1, sinh năm 1956 (vắng mặt).
- Đều cư trú: Thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/12/2025, Trần Đức P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen (biển số 29AK-072.96 đã bị P tháo ra để ở nhà nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng), đi một mình từ nhà ở thôn H lang thang trên đường, mục đích để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi trên đường Đ, thuộc thôn V, xã L, P nhìn thấy 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 4,5 mét, rộng 0,9 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt phi 16, lốp xe cao su màu đen, trị giá 4.000.000 đồng của anh Trần Ích T1, sinh ngày 28/02/1983, trú tại thôn B, xã L đang để ở ven đường bên trái chiều đi. Quan sát thấy không có người trông coi, P dừng xe lại, đi bộ đến kéo chiếc xe lôi ra chỗ xe mô tô, dùng sợi dây có sẵn ở đầu xe lôi buộc vào đai xách yên xe mô tô, sau đó điều khiển xe mô tô kéo theo xe lôi đi tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đi đến đường ĐT454, thuộc thôn T, xã H, P tiếp tục phát hiện 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 3,5 mét, rộng 1,1 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt, lốp xe cao su màu đen, trị giá 3.500.000 đồng của anh Bùi Văn Đ, sinh ngày 22/8/1995, trú tại thôn T, xã H đang để ở ven đường, không có người trông coi. Phóng đồ xe mô tô lại gần, dùng sợi dây có sẵn trên thùng xe, buộc nối tiếp vào chiếc xe lôi vừa trộm cắp được trước đó rồi điều khiển xe mô tô kéo theo 02 chiếc xe lôi đi đến xưởng cơ khí Tĩnh Hường của anh Nguyễn Văn T2, sinh ngày 22/02/1979 ở thôn H, xã L. Tại đây, P hỏi mượn anh T2 chiếc máy cắt kim loại, nói để cắt phế liệu bán, rồi tự tay cắt chiếc xe lôi trộm cắp được của anh Đ thành nhiều phần. Thấy P có nhu cầu bán phế liệu, anh T2 dùng điện thoại gọi cho ông Nguyễn Văn C, sinh ngày 04/6/1970, trú tại thôn K, xã L đến mua. Khoảng 15 giờ cùng ngày, ông C đến xưởng cơ khí của anh T2 gặp P, thỏa thuận mua cả 2 chiếc xe lôi trên (bao gồm các đoạn kim loại bị cắt rời) với giá 7.000 đồng/kg. P và ông C cân được tổng số 285,5 kg kim loại, tương đương 1.998.000 đồng. Phóng nhận đủ số tiền trên từ ông C mang đi chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 31/12/2025, khi bị Cơ quan điều tra triệu tập đến làm việc, P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen, biển số 29AK-072.93; ông Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp 02 chiếc xe lôi (bao gồm các đoạn kim loại bị cắt rời) để phục vụ điều tra.

Khám xét chỗ ở của Trần Đức P tại thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS, ngày 01/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hưng Yên kết luận: 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 4,5 mét, rộng 0,9 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt phi 16, lốp xe cao su màu đen có giá trị 4.000.000 đồng (bút lục số 36 - 37);

Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS, ngày 21/01/2026 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hưng Yên kết luận: 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 3,5 mét, rộng 1,1 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt, lốp xe cao su màu đen có giá trị 3.500.000 đồng (bút lục số 43 - 44);

Bản kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 08/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh H (kèm theo phụ lục ảnh) kết luận: “Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh của 05 tập tin video gửi giám định. Hình ảnh, đặc điểm, diễn biến hoạt động của đối tượng và phương tiện, đồ vật trong video gửi giám định được trích xuất, mô tả trong Phụ lục kèm theo kết luận giám định” (bút lục số 88 - 89; 91 - 101);

Bản cáo trạng số 87/CT-VKS-KV8 ngày 11/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 truy tố bị cáo Trần Đức P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Đức P và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo P mức án từ 9 tháng tù đến 01 năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (01/01/2026). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp 02 chiếc xe lôi (bao gồm các đoạn kim loại bị cắt rời) để phục vụ điều tra và trả lại cho bị hại. Anh Trần Ích T1 và anh Bùi Văn Đ đã nhận lại 02 chiếc xe lôi trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Ngày 06/3/2026 (trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án), ông Nguyễn Văn C có đơn trình bày không yêu cầu bị cáo P phải trả lại cho ông số tiền 1.998.000 đồng. Vì vậy, về trách nhiệm dân sự không đặt ra để giải quyết.

Bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo P không tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại anh Trần Ích T1 và những người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng vắng mặt. Bị hại anh Bùi Văn Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, trong giai đoạn điều tra, họ đều đã có lời khai đầy đủ, được thu thập đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ: Đơn trình báo, bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người bị hại anh Trần Ích T1 (bút lục số 171-174) và anh Bùi Văn Đ (bút lục số 175-179); Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường (bút lục số 32 - 47); Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS, ngày 01/01/2026 (bút lục số 36 - 37); Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS, ngày 21/01/2026 (bút lục số 43 - 44); Biên bản làm việc (trích xuất dữ liệu điện tử camera an ninh (bút lục số 60-61); Bản kết luận giám định số 37/KL-KTHS ngày 08/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh H (bút lục số 88 - 89; 91 - 101); Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C (bút lục số 184 - 188); Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T2 (bút lục số 180 - 183); anh Trần Văn B (bút lục số 201 - 204); anh Trần Nam T3 (bút lục số 197 - 200); ông Trần Đức P1 (bút lục số 205 - 206).

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 22/12/2025, tại đường Đ, thôn V, xã L, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Trần Đức P đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 4,5 mét, rộng 0,9 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt phi 16, lốp xe cao su màu đen, trị giá 4.000.000 đồng của anh Trần Ích T1. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, khi đang kéo chiếc xe lôi vừa trộm cắp đi tiêu thụ, đến đường Đ, thuộc thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên, bị cáo P tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe lôi tự chế bằng kim loại, chiều dài 3,5 mét, rộng 1,1 mét, làm bằng các loại ống tuýp; vành kim loại, nan hoa sắt, lốp xe cao su màu đen, trị giá 3.500.000 đồng của anh Bùi Văn Đ. Tổng giá trị tài

sản bị cáo P trộm cắp là 7.500.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo P đã phạm vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình, vì muốn có tiền chi tiêu, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bản thân bị cáo nhân thân tốt. Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi cuộc sống xã hội một thời gian nhất định, tương xứng với khung hình phạt và tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo P không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp 02 chiếc xe lôi (bao gồm các đoạn kim loại bị cắt rời) để phục vụ điều tra và trả lại cho bị hại. Anh Trần Ích T1 và anh Bùi Văn Đ đã nhận lại 02 chiếc xe lôi trên, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Ngày 06/3/2026, ông Nguyễn Văn C có đơn không yêu cầu bị cáo P phải trả lại cho ông số tiền 1.998.000 đồng. Do vậy về trách nhiệm dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, biển số 29AK-072.96, bị cáo Trần Đức P sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản của anh Vương Trọng T4, sinh ngày 17/6/1994, cư trú tại thôn P, xã S, thành phố Hà Nội; là vật chứng của vụ trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 11/12/2025, tại xã S, thành

phố Hà Nội. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã tách ra, chuyển đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền để xác minh, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn T2 là người đã cho bị cáo Trần Đức P mượn máy cắt để cắt xe lôi và giúp gọi người đến mua 02 chiếc xe lôi; ông Nguyễn Văn C là người đã mua 02 chiếc xe lôi. Kết quả điều tra xác định, anh T2 và ông C đều không biết những tài sản trên do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh T2 và ông C là có căn cứ.

Kết quả xét nghiệm đối với bị cáo P cho kết quả dương tính với chất ma túy, loại heroine, nhưng không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự đối với Trần Đức P về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” là đúng quy định.

[9] Bị cáo P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đức P** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52 điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **P 01 năm** tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (01/01/2026).
3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T1, anh Đ và ông C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan CSĐT, HSNV Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 8 - Hưng Yên;
- Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo, các bị hại, người có QLVN liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Nhàn